

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG  
KHOA TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG

**ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN**  
**THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Học kỳ 1, năm học 2023-2024**

**I. Thông tin chung**

Tên học phần:	Đại cương bảo hiểm và quản trị rủi ro		
Mã học phần:	71FINC20023	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	231_71FINC20023_01,02,03,04,05,06,07		
Hình thức thi: <b>Trắc nghiệm kết hợp Tự luận</b>	Thời gian làm bài:	<b>60</b>	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

**1. Format đề thi**

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:

**2. Giao nhận đề thi**

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: [khaothivanlang@gmail.com](mailto:khaothivanlang@gmail.com) bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

## II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Phân loại các rủi ro của cá nhân và tổ chức	Trắc nghiệm + Tự luận	30%	Trắc nghiệm: 5,6,7,8,19,20 Tự luận: Câu 1 Câu 2: nội dung từ a - d	4.2	PI 3.4
CLO 2	Lựa chọn các sản phẩm bảo hiểm phù hợp trên thị trường	Trắc nghiệm + Tự luận	40%	Trắc nghiệm: Các câu còn lại Tự luận: Nội dung e. Câu 2	5.8	PI 3.4
CLO 3	Vận dụng tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề để nhận diện rủi ro và lựa chọn sản phẩm bảo hiểm phù hợp	Trắc nghiệm + Tự luận	15%	Trắc nghiệm + Tự luận		PI4.2
CLO 5	Có ý thức học tập suốt đời	Trắc nghiệm + Tự luận	15%	Trắc nghiệm + Tự luận		PI10.2

## III. Nội dung câu hỏi thi

### PHẦN TRẮC NGHIỆM (20 câu + 0.4 điểm/câu hỏi)

**Câu 1:** “Công ty bảo hiểm thay người được bảo hiểm trong việc đòi bồi thường từ bên thứ ba đối với một tổn thất đã được công ty bảo hiểm thanh toán” là nguyên tắc nào sau đây?

- A. Nguyên tắc thế quyền
- B. Nguyên tắc bồi thường
- C. Nguyên tắc chuyển giao rủi ro
- D. Nguyên tắc quyền lợi có thể được bảo hiểm

ANSWER: A

**Câu 2:** Bộ phận nào trong doanh nghiệp Bảo hiểm chịu trách nhiệm lựa chọn phân loại rủi ro và định giá cho các đơn yêu cầu được bảo hiểm?

- A. Bộ phận cấp đơn bảo hiểm
- B. Bộ phận sale và marketing

- C. Bộ phận định phí
- D. Bộ phận đầu tư

ANSWER: A

**Câu 3:** Phát biểu nào sau đây SAI về bảo hiểm nhân thọ?

- A. Một người không được phép mua nhiều đơn bảo hiểm nhân thọ tại nhiều doanh nghiệp bảo hiểm khác nhau
- B. Người mua bảo hiểm có thể đồng thời là người thụ hưởng
- C. Nguyên tắc thế quyền không được áp dụng trong bảo hiểm nhân thọ
- D. Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ không phải là hợp đồng bồi thường

ANSWER: A

**Câu 4:** Phát biểu nào sau đây chưa chính xác về một rủi ro có thể bảo hiểm?

- A. Tổn thất phải là thảm khốc
- B. Tổn thất phải xác định được và đo lường được
- C. Số lượng lớn đối tượng cùng gánh chịu rủi ro
- D. Những tổn thất là do ngẫu nhiên, do vô ý

ANSWER: A

**Câu 5:** Lũ lụt gây ảnh hưởng đến nhà cửa trong khu vực, đây là rủi ro phát sinh từ nguyên nhân nào?

- A. Rủi ro do môi trường thiên nhiên
- B. Rủi ro xảy ra do sự tiến bộ và phát triển của khoa học kỹ thuật
- C. Rủi ro do môi trường xã hội
- D. Rủi ro do đạo đức

ANSWER: A

**Câu 6:** Phát biểu nào sau đây là chính xác?

- A. Khi số lượng cá thể cùng chịu rủi ro càng nhiều thì độ lệch chuẩn của tổn thất thực tế ước tính càng thấp
- B. Rủi ro khách quan càng cao thì sai biệt giữa tổn thất thực tế và tổn thất dự kiến càng bé
- C. Rủi ro có thể đa dạng hóa là những rủi ro ảnh hưởng đến toàn bộ nền kinh tế hoặc số đông cá nhân hoặc nhóm lớn trong nền kinh tế
- D. Tất cả đáp án đều sai

ANSWER: A

**Câu 7:** Một trạm xăng dầu cấm nhân viên của họ hút thuốc trong khu vực làm việc để phòng chống cháy nổ. Đây là loại biện pháp kiểm soát rủi ro gì?

- A. Phòng ngừa tổn thất
- B. Tránh né rủi ro
- C. Bảo hiểm
- D. Tất cả các đáp án đều đúng

ANSWER: A

**Câu 8:** Những yếu tố như lạm phát, thất nghiệp, suy thoái kinh tế đều thuộc về loại rủi ro nào sau đây?

- A. Rủi ro hệ thống
- B. Rủi ro phi hệ thống
- C. Rủi ro đầu cơ
- D. Tất cả đáp án đều đúng

ANSWER: A

**Câu 9:** Câu nào sai về môi giới bảo hiểm:

- A. Môi giới bảo hiểm có quyền ràng buộc công ty bảo hiểm về mặt pháp lý.
- B. Môi giới bảo hiểm nhận tiền hoa hồng từ công ty bảo hiểm mặc dù là đại diện cho người mua bảo hiểm.
- C. Môi giới bảo hiểm tư vấn cho khách hàng để lựa chọn các sản phẩm bảo hiểm phù hợp, chi phí thấp và quyền lợi tốt nhất giữa rất nhiều đơn vị kinh doanh bảo hiểm khác nhau đang hoạt động.
- D. Môi giới bảo hiểm hỗ trợ cho bên mua bảo hiểm trong việc yêu cầu bồi thường trong suốt thời hạn hợp đồng .

ANSWER: A

**Câu 10:** Phí bảo hiểm thuần đối với bảo hiểm nhân thọ tử kỳ sẽ tăng cao nếu:

- A. Các yếu tố khác không đổi, lãi suất chiết khấu giảm.
- B. Các yếu tố khác không đổi, phụ phí giảm.
- C. Các yếu tố khác không đổi, phụ phí tăng.
- D. Các yếu tố khác không đổi, lãi suất chiết khấu tăng.

ANSWER: A

**Câu 11:** Ông A, 30 tuổi, đã kết hôn và có hai con. Thu nhập hàng năm của Ông A là 50.000 USD /năm và có kế hoạch nghỉ hưu ở tuổi 60 (giả sử rằng thu nhập của ông không đổi). Ông dự tính chi phí sinh hoạt (gồm có thuế, tiền bảo hiểm, nhu cầu cá nhân) là 20.000 USD / năm, còn lại được dùng để hỗ trợ gia đình ông. Tỷ lệ chiết khấu hợp lý là 8%. Xác định giá trị cuộc sống của ông A theo phương pháp tiếp cận giá trị dòng đời là bao nhiêu?

- A. 337.733,50 USD
- B. 225.155,67 USD
- C. 562.889,17 USD
- D. Tất cả các đáp án đều đúng.

ANSWER: A

**Câu 12:** Giả sử có số liệu trong bảng tử vong dành cho nam của một công ty bảo hiểm nhân thọ như sau:

ĐỘ TUỔI	SỐ SỐNG	SỐ TỬ VONG
40	88.495.000	97.688
41	81.796.000	102.247
42	78.346.000	107.356

Xác định phí bảo hiểm mà mỗi người mua bảo hiểm đóng góp tại năm 41 tuổi là bao nhiêu, biết rằng số tiền bảo hiểm là \$2.000 trên một hợp đồng, lãi suất chiết khấu là 6%/năm.

- A. 2,36 USD
- B. 1,85 USD
- C. 3,78 USD
- D. 4,65 USD

ANSWER: A

**Câu 13:** Bảo hiểm nào mà người mua bảo hiểm có quyền chọn cách quỹ giá trị tiền tích lũy sẽ được đầu tư như thế nào?

- A. Bảo hiểm nhân thọ biến đổi
- B. Bảo hiểm trách nhiệm dân sự
- C. Bảo hiểm thất nghiệp
- D. Bảo hiểm y tế

ANSWER: A

**Câu 14:** Một hợp đồng bảo hiểm xe có thông tin như sau: giá trị của chiếc xe được thẩm định tại thời điểm ký hợp đồng bảo hiểm là 1 tỷ đồng, chủ xe tham gia bảo hiểm với số tiền bảo hiểm là 800 triệu đồng. Khi tổn thất xảy ra, bộ phận giám định xác định xe bị tổn thất 500 triệu đồng. Xác định số tiền bồi thường của người bảo hiểm là bao nhiêu?

- A. 400.000.000 VND
- B. 300.000.000 VND
- C. 240.000.000 VND
- D. 250.000.000 VND

ANSWER: A

**Câu 15:** Phát biểu nào sau đây **ĐÚNG**:

- A. Người thụ hưởng là người được bên mua bảo hiểm chỉ định để nhận tiền bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm con người
- B. Người thụ hưởng là người được Công ty bảo hiểm chỉ định để nhận tiền bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm con người
- C. Hợp đồng bảo hiểm do 2 bên (Công ty bảo hiểm và bên mua bảo hiểm) cùng soạn
- D. Doanh nghiệp bảo hiểm không có nghĩa vụ giải thích cho bên mua bảo hiểm về các điều kiện, điều khoản bảo hiểm; quyền, nghĩa vụ của bên mua bảo hiểm

ANSWER: A

**Câu 16:** Phát biểu nào dưới đây là **ĐÚNG**:

- A. Mức hưởng trợ cấp thất nghiệp hằng tháng bằng 60% mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của 06 tháng liền kề trước khi thất nghiệp
- B. Mức hưởng trợ cấp thất nghiệp hằng tháng bằng 60% mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp.
- C. Mức hưởng trợ cấp thất nghiệp hằng tháng bằng 65% mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của 06 tháng liền kề trước khi thất nghiệp.
- D. Mức hưởng trợ cấp thất nghiệp hằng tháng bằng 70% mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của 06 tháng liền kề trước khi thất nghiệp.

ANSWER: A

**Câu 17:** Các đặc điểm cơ bản của bảo hiểm?

- A. Tất cả đều đúng
- B. Bồi thường thiệt hại
- C. San sẻ rủi ro, chuyển giao rủi ro
- D. Chi trả cho những tổn thất ngẫu nhiên

ANSWER: A

**Câu 18:** Đây là nguyên tắc chung của bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ?

- A. Nguyên tắc trung thực tuyệt đối
- B. Nguyên tắc thế quyền
- C. Nguyên tắc bồi thường
- D. Tất cả đều đúng

ANSWER: A

**Câu 19:** Điền từ vào chỗ trống “San sẻ rủi ro là sự phân tán tổn thất phát sinh bởi một số ít trong toàn bộ nhóm, do đó, trong quá trình này, ..... được thay thế cho tổn thất thực tế”

- A. Tổn thất trung bình
- B. Tổn thất thực tế
- C. Tổn thất
- D. Rủi ro

ANSWER: A

**Câu 20:** Điền cụm từ còn thiếu vào câu sau: “Nguy cơ (hazard): là điều kiện làm gia tăng ..... của tổn thất”.

- A. tần suất hoặc mức độ
- B. tần suất
- C. mức độ
- D. tần suất và nguyên nhân

ANSWER: A

### **PHÂN TỰ LUẬN (02 câu hỏi + thang điểm từng câu hỏi)**

#### **Câu hỏi 1: (1 điểm)**

**Ông A mua 1 chiếc ô tô hiệu Honda. Ông tự lái xe ô tô đi làm từ nhà đến công ty trên tuyến đường cao tốc. Yêu cầu:**

- a. Việc ông A mua xe, lưu thông bằng xe ô tô, đậu đỗ đúng vị trí theo biển báo quy định thì có phát sinh rủi ro không? (0.2)
- b. Cho biết 03 nguyên nhân chủ yếu phát sinh rủi ro? (0.6)
- c. Hỏi Ông A có kiểm soát được rủi ro này trong tình huống trên không? (0.2)

#### **Câu hỏi 2: (1 điểm)**

**Hãy nêu các kỹ thuật quản trị rủi ro khi mua xe ô tô và tham gia lưu thông trên đường? (0.5)**

**Cho ví dụ minh họa cụ thể cho từng kỹ thuật đề xuất. (0.5)**

## ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
<b>I. Trắc nghiệm</b>		<b>8.0</b>	
Câu 1 – 20		0.4	
<b>II. Tự luận</b>		<b>2.0</b>	
Nội dung Câu 1.		<b>1.0</b>	
Nội dung a.	Có rủi ro	0.2	
Nội dung b.	Rủi ro do thiên nhiên và môi trường	0.2	
	Rủi ro do sự tiến bộ và phát triển của khoa học và kỹ thuật	0.2	
	Các rủi ro do môi trường xã hội	0.2	
Nội dung c.	Có thể kiểm soát	0.2	
Nội dung Câu 2.		<b>1.0</b>	
Nội dung a.	Tránh rủi ro: không tham gia lưu thông	0.2	Kỹ thuật đúng 0.1 Ví dụ minh họa đúng 0.1
Nội dung b.	Phòng ngừa tổn thất: Tuân thủ luật giao thông như không vượt đèn đỏ, không lưu thông khi trong máu có nồng độ cồn	0.2	Kỹ thuật đúng 0.1 Ví dụ minh họa đúng 0.1
Nội dung c.	Giảm mức độ tổn thất: trong xe chuẩn bị sẵn hộp y tế, bình chữa cháy, Luôn thắt dây an toàn khi tham gia giao thông	0.2	Kỹ thuật đúng 0.1 Ví dụ minh họa đúng 0.1
Nội dung d.	Giữ lại rủi ro: chấp nhận tổn thất	0.2	Kỹ thuật đúng 0.1 Ví dụ minh họa đúng 0.1
Nội dung e.	Chuyển giao rủi ro thông qua Bảo hiểm: BH vật chất xe và BH trách nhiệm dân sự	0.2	Kỹ thuật đúng 0.1 Ví dụ minh họa đúng 0.1
<b>Điểm tổng</b>		<b>10.0</b>	

TP. Hồ Chí Minh, ngày ..... tháng ..... năm 2023

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề



ThS. Lê Thị Mỹ Duyên

ThS. Trần Trung Hiếu  
ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Châu